

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **409/2020/HS-ST**

Ngày: 17/9 /2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 342/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn U - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1991 tại TH; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm V, xã B, huyện Đ, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn A, sinh năm 1951 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị H1, sinh 1995, có 02 con – con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 – Tại bản án số 83/2013/HSST ngày 27/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh TH xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành án phạt tù xong ngày 13/11/2014. Chưa thi hành phần án phí hình sự sơ thẩm.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 79/2010/HSPT ngày 27/5/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh TH xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 04/02/2012.

+ Tại Quyết định số 129 ngày 02/8/2015 bị Công an huyện Đ, tỉnh TH xử phạt 750.000đ về hành vi đánh nhau. Đã thi hành xong ngày 14/8/2015.

+ Ngày 15/6/2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh TH khởi tố vụ án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/4/2020 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Nguyễn Xuân T - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1990 tại TH; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1962 và con bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1961; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 – Tại bản án số 01/2013/HSST ngày 08/01/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 02/02/2018.

Nhân thân:

+ Ngày 25/4/2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh TH khởi tố vụ án về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 28/4/2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh TH khởi tố vụ án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH, (bị tạm giam trong vụ án khác). *(Có mặt tại phiên tòa)*

- *Bị hại:* Chị Tô Ngọc L, sinh năm 1995 – trú tại tổ Y, phường H, thành phố TH *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Đặng Quốc C, sinh năm 1991 – trú tại xóm L, xã T, thành phố TH *(Vắng mặt)*

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn Dũng, sinh năm 1991 – trú tại tổ X, phường T, thành phố TH *(Vắng mặt)*

2. Anh Nguyễn Tuấn Anh, sinh năm 1991 – trú tại tổ X, phường T, thành phố TH *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy và không có việc làm ổn định, Trần Văn U và Nguyễn Xuân T bàn bạc, rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy. Cả hai thống nhất T là người dùng xe mô tô chở U đi, U là người trực tiếp trộm tài sản, T làm nhiệm vụ cảnh giới, nếu bị phát hiện T sẽ chở U bỏ chạy, nếu lấy được tài sản sẽ bán lấy tiền chia nhau mỗi người một nửa. Khoảng 19 giờ ngày 05/4/2020, như đã bàn từ trước T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha SIRIUS, màu đen – trắng BKS 20F1 -415.11 (đăng ký xe mang tên T) chở U đi từ huyện Đ xuống thành phố TH, khi đi U mang theo 01 bộ vạm phá khóa gồm 01 chiếc cờ lê dài khoảng 12,5cm, 01 vạm phá khóa dài khoảng 07cm có 01 đầu dẹt nhọn, 01 đầu hình lục giác. Khi đi đến khu vực đường Lưu Nhân Chú gần ngã tư Song Điền, đoạn thuộc tổ Z, phường T, thành phố TH, U quan sát thấy trên vỉa hè trước cửa quán bán trà chanh đang đóng cửa có 03 chiếc xe mô tô dựng ở đó không có người trông coi nên đã bảo T dừng xe để U thực hiện hành vi trộm cắp. T đứng cảnh giới cho U ở khu

vực đầu ngõ vào khu dân cư cách vị trí dựng 03 xe mô tô khoảng 60m, còn U đi bộ đến chỗ để 03 xe mô tô trên. Sau khi quan sát, U dùng văm phá khóa mở ổ khóa điện của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen BKS 20B1 -654.56 (là tài sản của chị Tô Ngọc L, sinh năm 1995 – địa chỉ tổ Y, phường H, thành phố TH cho anh Đặng Quốc C, sinh năm 1991 – địa chỉ xóm L, xã T, thành phố TH mượn) rồi dắt lùi xe từ vỉa hè xuống lòng đường thì bị anh C và các bạn của C phát hiện, hô hoán đuổi bắt U. U bỏ xe lại và chạy đến ngã tư Song Điền thì bị quần chúng nhân dân và tổ công tác Công an thành phố đang làm nhiệm vụ gần đó khống chế, bắt giữ và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với U. Còn T đã điều khiển xe mô tô chạy thoát về hướng đường tròn Gang thép.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 73/HĐĐGTS ngày 13/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận: 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen, gắn biển kiểm soát 20B1 -654.56, số máy HC12E.5561259, số khung RLHHC 1211DY561191, xe đã qua sử dụng. Giá trị của xe là 8.800.000đ (*Tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn U và Nguyễn Xuân T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận của U, T phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, dữ liệu điện tử trích xuất từ camera, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen, biển kiểm soát 20B1-654.56 là xe của tôi, đăng ký xe mang tên tôi Tô Ngọc L. Ngày 03/4/2020 vợ chồng tôi có cho anh Đặng Quốc C, sinh năm 1991 – địa chỉ xóm L, xã T, thành phố TH mượn để đi lại chứ tôi không bán hay cho ai cả. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 06/4/2020 thì tôi được anh C gọi điện báo là xe tôi cho mượn bị một đối tượng là nam giới lấy trộm. Nay tôi đã nhận lại tài sản và không đề nghị bồi thường gì khác.

Vật chứng của vụ án:

+ 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen, gắn biển kiểm soát 20B1-654.56, số máy HC12E.5561259, số khung RLHHC 1211DY561191 xe đã qua sử dụng trả cho chị Tô Ngọc L quản lý và sử dụng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, màu đen –trắng BKS 20F1 -415.11 hiện đang bị tạm giữ trong vụ án khác.

+ Số tiền 74.000đ; 01 cờ lê bằng kim loại dài 12,5cm, 01 thanh kim loại (văm phá khóa) dài 07cm có 01 đầu dẹt nhọn, 01 đầu hình trụ đều đã qua sử dụng.

Bản Cáo trạng số 349/CT -VKSTPTN ngày 29 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Trần Văn U và Nguyễn Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận do nghiện ma túy và không có việc làm ổn định, Trần Văn U và Nguyễn Xuân T cùng bàn bạc, rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy. Khoảng 19 giờ ngày 05/4/2020, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha SIRIUS, màu đen – trắng BKS 20F1 -415.11 (đăng ký xe mang tên T) chở U đi từ huyện Đ xuống thành phố TH, khi đi U mang theo 01 bộ văm

phá khóa gồm 01 chiếc cò lê dài khoảng 10cm, 01 vạm phá khóa dài khoảng 07cm có 01 đầu dẹt nhọn, 01 đầu hình lục giác. Khi đi đến khu vực đường Lưu Nhân Chú gần ngã tư Song Điền, đoạn thuộc tổ Z, phường T, thành phố TH, U quan sát thấy có 03 chiếc xe mô tô không có người trông coi nên bảo T dừng xe để U thực hiện hành vi trộm cắp. T đứng cảnh giới cho U, còn U đi bộ đến chỗ để 03 xe mô tô trên. U dùng vạm phá khóa mở ổ khóa điện của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen BKS 20B1 -654.56 rồi dắt lùi xe từ vỉa hè xuống lòng đường khoảng 02m thì bị phát hiện, hô hoán đuổi bắt U. U bỏ xe lại và chạy đến ngã tư Song Điền thì bị quần chúng nhân dân và tổ công tác Công an thành phố đang làm nhiệm vụ gần đó khống chế, bắt giữ. Còn T đã điều khiển xe mô tô chạy thoát về hướng đường tròn Gang thép. Hiện T đang bị tạm giam trong vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần Văn U và Nguyễn Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt:

* Đối với bị cáo Trần Văn U: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn U từ 24 đến 30 tháng tù.

* Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 24 đến 30 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về vật chứng vụ án:

+ 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen, gắn biển kiểm soát 20B1-654.56, số máy HC12E.5561259, số khung RLHHC 1211DY561191 xe đã qua sử dụng trả cho chị Tô Ngọc L quản lý và sử dụng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, màu đen –trắng BKS 20F1 -415.11 hiện đang bị tạm giữ trong vụ án khác.

+ Số tiền 74.000đ của bị cáo Trần Văn U không liên quan đến vụ án cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Vật chứng khác không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Tô Ngọc L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử các bị cáo không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, dữ liệu điện tử trích xuất từ camera, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 05/4/2020, lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ tài sản, tại tổ X, phường T, thành phố TH Trần Văn U và Nguyễn Xuân T đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen, biển kiểm soát 20B1-654.56 của chị Tô Ngọc L cho anh Đặng Quốc C sinh năm 1991 – trú tại xóm L, xã T, thành phố TH mượn sử dụng. Kết luận định giá tài sản số 73/HĐĐGTS ngày 13/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố TH, chiếc xe trên có giá trị 8.800.000đ (*Tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Trần Văn U có nhân thân rất xấu, đã hai lần bị Tòa án xét xử, đã bị xử phạt hành chính, hiện cũng đang bị VKSND huyện Đ, tỉnh TH truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục lao sâu vào con đường phạm tội. Ngày 27/5/2010, bản án số 79/2010/HSPT của Tòa án nhân dân tỉnh TH xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 04/02/2012. Đến ngày 27/9/2013 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh TH xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa thi hành phần án phí hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Xét cần xét xử bị cáo một mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Song trong quá trình điều tra cũng

nếu tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T cũng có nhân thân rất xấu, hiện cũng đang bị VKSND huyện Đ, tỉnh TH truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tại bản án số 01/2013/HSST ngày 08/01/2013 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 02/02/2018, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” do đó các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định các bị cáo nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

+ 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α , màu đen, gắn biển kiểm soát 20B1-654.56, số máy HC12E.5561259, số khung RLHHC 1211DY561191 xe đã qua sử dụng trả cho chị Tô Ngọc L quản lý và sử dụng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, màu đen –trắng BKS 20F1 -415.11 là xe của bị cáo Nguyễn Xuân T dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. Song ngày 19/4/2020 bị cáo T đã sử dụng chiếc xe trên thực hiện hành vi phạm tội tại huyện Đ, tỉnh TH và bị bắt quả tang, hiện chiếc xe đang bị tạm giữ trong vụ án khác để chờ xử lý.

+ Số tiền 74.000đ thu giữ của bị cáo Trần Văn U. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo U, song cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Vật chứng khác không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô đã được thu hồi trả cho bị hại và bị hại không có đề nghị gì khác. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

T bố bị cáo Trần Văn U, Nguyễn Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Văn U 24(Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Trần Văn U 45 ngày kể từ ngày T án để đảm bảo thi hành án.

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 24(Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành bản án

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01(một) cờ lê bằng kim loại, dài 12,5cm, trên thân cờ lê có chữ YETI USA Standard, đã qua sử dụng; 01(một) thanh kim loại (vạm phá khóa), dài 07cm, có một đầu dẹt nhọn và một đầu hình trụ đã qua sử dụng;

+ Tạm giữ số tiền 74.000đ (*Bảy mươi tư nghìn đồng*) của bị cáo Trần Văn U để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Trần Văn U. (*đã chuyển khoản theo ủy nhiệm chi số 71 ngày 30/7/2020*)

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 405 ngày 30/7/2020 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH*)

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Văn U, Nguyễn Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Báo cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS TP. TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
 - VKSND tỉnh TH;
 - VKSND thành phố TH;
 - Công an thành phố TH;
 - Chi cục THADS thành phố TH;
 - Sở tư pháp tỉnh TH;
 - Người tham gia tố tụng;
 - Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ.

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

